

Số: 3382 /CV-BVDKT

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 9 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Mai Thị Bích Phượng, Khoa Dược, Điện thoại: 091 2605695.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 09 tháng 10 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục Vật tư y tế:

(Chi tiết danh mục tại phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp: Kho Dược, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày kể từ khi nhận được thông báo dự trữ. ↵

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT; KD; TCKT.



Lê Văn Sỹ

PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ
(Kèm theo công văn số 3382 /CV-BVĐKT ngày 27/09/2023
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa)

STT	Danh mục VTYT	Thông số kĩ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
	3.1 Bơm tiêm			
1	Bơm tiêm khoảng chết thấp vô trùng sử dụng một lần 1ml (dùng tiêm insulin), VIKIMCO	Dung tích 1ml. Bơm tiêm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Cờ kim 27G, 29G, 30G. Đóng gói vô trùng	10.000	Cái
2	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bơm tiêm dung tích 1ml. Bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Gắn kim 27G, 29G, 30G. Sản phẩm đóng gói vô trùng.	20.000	Cái
	3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			
3	Kim chạy thận nhân tạo	Thành kim làm bằng thép không gỉ. - Chiều dài kim: 1 inch, chiều dài dây dẫn: ≥ 300 mm, đường kính 16G, có mắt, có kẹp, có cánh. - Kim được phủ silicon - Dây gắn với kim làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride. Đóng gói vô trùng	30.000	Cái
	3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác			
4	Composflex® 3F 35 ml CPD/55 ml SAG-M	+ 01 kim cỡ 16G. + 01 túi đựng bằng nhựa PVC, dung tích 300ml, chứa 35ml CPD. + 01 túi đựng bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml, chứa 55ml SAG-M. + 01 túi chứa bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml. + 01 dây lấy máu toàn phần, chiều dài 1160 ± 70 mm, trên dây có 12 đoạn mã túi máu. + 01 dây nối với túi máu toàn phần, chiều dài 195 ± 15 mm, trên dây có 2 đoạn mã túi máu. + 01 dây nối với túi hồng cầu, chiều dài 440 ± 30 mm, trên dây có 4 đoạn mã túi máu. + 01 dây nối với túi trắng, chiều dài 440 ± 30 mm, trên dây có 4 đoạn mã túi máu. + Có bộ lấy mẫu chân không đi kèm. + Có các kẹp trên dây lấy máu và dây lấy mẫu chân không.	20.000	Túi
	4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối			
5	Dây lọc máu 5008	Tính năng Online: - Không cần dùng nước muối để rửa, bolus hay dịch truyền. - Dây Safeline có sẵn trong mỗi set. - Không chứa DEHP - Đo lường chính xác áp lực động mạch thông qua cảm biến áp lực dạng vòm. - Bộ phát hiện khí được tích hợp sẵn trên dây. - Các thành phần của bộ dây được định hình sẵn để lắp vào máy mà không cần tháo rời - Thế tích làm đầy nhỏ, hạn chế máu tiếp xúc với không khí bên ngoài.	200	Bộ

		- Thẻ tích làm đầy: 132mL		
	4.4 Catheter			
6	Outlook	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép, đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) hặc tương đương - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), 4Fr (lòng rộng 1.05mm) chiều dài 100cm - 120cm. 	500	Cái
7	ASAHI Corsair Pro Microcatheter	<ul style="list-style-type: none"> Cấu trúc dạng bện (được bện từ 10 sợi dây) - Chiều dài: 135 cm, 150cm. - Đường kính ngoài đầu tip 0.42 mm, đường kính trong: 0.38 mm - Đường kính ngoài phần thân xa: 2.6 Fr - Đường kính ngoài phần thân gần: 2.8Fr 	5	Cái
	6.3 Thủy tinh thể nhân tạo			
8	Thủy tinh thể nhân tạo Mini 4 (kèm dụng cụ đặt)	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, 4 càng - Kích cỡ: Optic 6mm, tổng chiều dài 10.75mm - Chất liệu: Copolymer - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Thiết kế một mảnh dạng hình đĩa với 4 haptic cặp đôi tạo thành 4 điểm tựa Lọc tia UV Góc càng 5 độ Optic dạng phi cầu hai mặt, loại bỏ quang sai. Hàng số A:118.6 cho dãy độ từ 0D đến +40D và A:119.9 cho dãy độ từ -3D đến -1D Độ sâu tiền phòng: 5.32 cho dãy độ từ 0D đến +40D và độ sâu tiền phòng: 6.08 cho dãy độ từ -3D đến -1D Chỉ số SA: -0,14μm Chỉ số khúc xạ: 1.46 ở 35 độ C Chỉ số Abbe: 46.94 Dải công suất từ -3D đến +40D; từ -3D đến +10D: tăng dần 1D, từ +10D đến +30D tăng đều 0.5D, từ +30D đến +40D tăng đều 1D. Kèm cartridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể sử dụng một lần qua vết mổ ≤ 2.2mm 	100	Cái
9	Thủy tinh thể nhân tạo Sida-Lens SDACY	<ul style="list-style-type: none"> Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, mềm, một mảnh, 2 càng chữ C. Góc càng: 10° Đường kính quang học trong khoảng: 6,00 mm (± 5%) Đường kính tổng thể trong khoảng: 13,00 mm (± 5%) Thiết kế: Một mảnh Thiết kế quang học: Đơn tiêu, hình cầu. Vật liệu: Hydrophilic Dải công suất: Từ +10.0D đến +30.0D (mức tăng 0.5D) Hàng số A (SRK-T): 118,0/118,5 Độ sâu tiền phòng (ACD): 4,96 mm/5,25 mm Chỉ số khúc xạ trong khoảng: 1,4 - 1,5 	80	Cái

Handwritten signature

7.1 Tim mạch và X-quang can thiệp				
10	Bóng nong động mạch vành - NC Emerge™ Monorail™ PTCA Dilatation Catheter	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực 6atm - 20atm. - Đầu tip ngắn, đầu vào vị trí tổn thương 0,017". - Có vạch kép đánh dấu (marker) platinum iridium. - Thiết kế thân trong cấu tạo Bi-segment. - Thân ngoài chất liệu Slope, phủ Hydrophilic giúp làm giảm ma sát trên thân catheter. - Đường kính: 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.50mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.50mm, 6.0mm, chiều dài: 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm. - Chiều dài catheter Monorail: 143cm. 	80	Cái
11	Bóng nong động mạch vành - Emerge™ Monorail™ PTCA Dilatation Catheter	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực 6atm - 18atm. - Đường kính vượt qua tổn thương (Crossing profile): 0.66mm (0.026") - Chất liệu bóng: OptiLEAP, phủ ZGlide Hydrophilic. - Có vạch đánh dấu chắn xạ Platinum iridium. - Đường kính: 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, chiều dài: 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm. - Chiều dài catheter: 143cm với loại over the wire; 144cm với loại monorail. 	50	Cái
12	Bóng nong can thiệp mạch vành Pantera Pro	<p>Bóng nong mạch vành và cầu nối, chịu áp lực bình thường 7atm, áp lực vỡ bóng 14atm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẩu kính đầu vào (Lesion entry profile) 0.017". - Chiều dài thân hữu dụng Catheter bóng 140 cm - Guiding tương thích nhỏ nhất 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Thiết kế: hypotube, có lớp phủ ái nước xen kẽ cho đường kính 1.25-2.0mm, lớp phủ kỵ nước xen kẽ cho đường kính 2.5-4.0 mm - Vật liệu bóng làm bằng Polymer. - Bóng có 2 nếp gấp và 1 marker đối với đường kính 1.25-1.5mm, 3 nếp gấp và 2 marker đối với đường kính 2.0-4.0 mm - Thân bóng với đường kính 1.25- 2.0 mm có lớp phủ đan xen ái nước để dễ dàng đi qua tổn thương hẹp khít - Thân bóng với đường kính 2.5 - 4.0 mm có lớp phủ đan xen kỵ nước để bung chính xác và chống trượt - Điểm đánh dấu (Marker): Platinum-Iridium. - Điểm đánh dấu ở thân: 92 cm từ đầu tip (đi đường cánh tay), 102 cm từ đầu tip (đi đường đùi) - Dữ kích thước khác nhau: đường kính : 1.25, 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0 mm; chiều dài : 6, 10, 15, 20, 25, 30 mm 	20	Cái
13	Bóng nong can thiệp mạch vành Pantera LEO	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao: Chịu áp lực bình thường 14atm, áp lực vỡ bóng tới 20atm (ngoại trừ 4.5 và 5.0, áp lực vỡ bóng là 18atm).</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thân bóng linh hoạt. - Khẩu kính đầu vào bóng (Lesion entry profile) 0.018". - Chiều dài thân hữu dụng bóng 145 cm - Guiding tương thích 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Vật liệu bóng làm bằng Polymer - Bóng có 3 nếp gấp. - Điểm đánh dấu: Platinum-Iridium. - Dữ kích thước khác nhau: đường kính : 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0 mm; chiều dài : 8, 12, 15, 20, 30 mm. 	90	Cái

Handwritten mark

14	Bóng nong mạch vành áp lực cao NC Euphora	<p>Đường kính đầu tip nhỏ 0.41mm (0.016"). Đầu tip hình nón. Với Crossing Profile đạt 0.024"- 0.032" tùy đường kính bóng. Phù lớp ái nước. Điểm đánh dấu bằng vàng. Chiều dài Catheter: 142 cm. Đường kính (mm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2.0, 2.75, 3.25, 3.75 chiều dài 6, 9, 12, 15, 21mm; - 2.25 chiều dài 6, 12, 21mm; - 2.5, 3.0, 3.5, 4.0 chiều dài 6, 9, 12, 15, 21, 27mm; - 4.5 chiều dài 15, 21mm; - 5.0 chiều dài 15mm. <p>Bóng có nếp gấp: đường kính 2.0-3.75mm: 3 nếp gấp, 4.0-5.0mm: 5 nếp gấp.</p>	50	cái
15	OPN NC	<ul style="list-style-type: none"> - Khẩu kính vào tổn thương 0.016" - Khẩu kính băng qua tổn thương 0.028" - Bóng nong được đến áp lực 35 bar. - Cấu trúc bóng 2 lớp, Đầu tip dài 4 mm - Bóng 2 nếp gấp với đường kính nhỏ, 3 nếp gấp với đường kính vừa - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm; dài 10, 15, 20mm 	80	Cái
16	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> -Bóng áp lực cao, Áp suất 12 bar; 22-24 bar -Chất liệu bóng Polyamide, 3 nếp gấp -Tương thích với guiding catheter 5F. -Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm); đường kính đầu xa bóng 0.023"(0.58mm); đường kính đầu gần bóng 0.025"(0.63mm) - Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.7F (0.90mm). -Catheter dài 154cm. Xẹp bóng 3s -Phù lớp ái nước. Đầu tip thuôn, dài 3mm. - Đường kính bóng 2.0, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0, 4.5mm. Dài 5, 10, 15, 20mm 	80	Cái
17	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	<ul style="list-style-type: none"> -Bóng bán áp lực cao, Áp suất 6 bar; 16 bar -Chất liệu bóng Semi-compliant Polyamide, 3 nếp gấp -Tương thích với guiding catheter 5F và 6F -Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm); đường kính đầu xa bóng 0.023"(0.58mm); đường kính đầu gần bóng 0.025"(0.63mm) - Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.6F (0.86mm). -Catheter dài 154cm. Xẹp bóng 3s -Phù lớp ái nước. Đầu tip thuôn, dài 3mm. - Đường kính bóng 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm Dài 10,15, 20, 30mm 	50	Cái
18	HAWK™ PTCA Balloon Dilatation Catheter	<p>Đầu tip nhỏ, mềm mại 0,017" giúp băng qua tổn thương dễ dàng. Chất liệu bóng polyamide, Bóng có marker chất liệu tungsten/iridium, Bóng có 1 nếp gấp với đường kính: 1.5mm, 2 nếp gấp với đường kính từ 1.75-4.0mm, Đường kính đầu xa: 2.55F, đầu gần: 1.9F, Crossing profile:0.025"-0.063", Chiều dài thân catheter khả dụng: 140cm, Đường kính từ 1.5-4.0mm, Chiều dài từ 2.0- 40mm</p>	50	Cái

le

10	Bóng nong động mạch vành Clear Line	<p>Chất liệu bóng Pebax, Đường kính trục 2.55F (1.5-2.75mm), 2.7F (3.00-4.00mm), 1.9F, trục phủ PTFE. Chiều dài có thể sử dụng 142cm. Tương thích với Guidewire 0.014". Tương thích với Catheter 5F. Áp lực thường 6atm, áp lực gây vỡ bóng 16atm, áp lực gây vỡ bóng trung bình 20atm. Phủ lớp dầu. Đầu mềm thon giảm tổn thương.</p> <p>Kích thước: 2.00x10mm; 2.00x15mm; 2.00x20mm; 2.00x25mm; 2.50x10mm; 2.50x15mm; 2.50x20mm.</p>	60	cái
20	Clear Line- NC	<p>Chất liệu bóng Nylon Đường kính trục 2.7F, 1.9F. Chiều dài có thể sử dụng 142cm. Trắc diện đi qua tổn thương 0.016". Tương thích với Guidewire 0.014". Tương thích với Catheter 5F. Áp lực thường 10atm, áp lực gây vỡ bóng 20atm, áp lực gây vỡ bóng trung bình 26atm. Phủ lớp dầu.</p> <p>Kích thước: 2.50x10mm; 2.50x15mm; 2.50x20mm; 2.50x25mm; 2.75x10mm; 2.75x15mm; 2.75x20mm; 2.75x25mm; 3.00x10mm; 3.00x15mm; 3.00x20mm; 3.00x25mm; 3.50x10mm; 3.50x15mm; 3.50x20mm; 3.50x25mm; 4.00x10mm; 4.00x15mm; 4.00x20mm.</p>	90	cái
21	Radifocus Guidewire M 260	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp phủ ái nước Hydrophilic <p>Hình dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J.</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035", 0.038" 	100	Cái
22	Runthrough NS	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Phần lõi: đoạn gần bằng thép không rỉ, đoạn xa Nickel - Titanium +Lớp cuộn: Platinum và thép không rỉ <p>Lớp phủ ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn xa có lớp cuộn : Lớp phủ ái nước. - Cho đoạn gần: phủ PTFE và Silicone <p>Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - không đánh dấu - một dấu - hai dấu <p>- Kích thước: 0.014" x 180cm</p>	100	Cái
23	Ví dây dẫn đường can thiệp Transend	<p>Dây dẫn ái nước, lõi thép không gỉ, đầu tungsteng. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài: 135, 165, 190cm</p>	35	Hộp
24	Xtrac EC Aspiration Catheter	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041". - Loại 6F thích hợp với catheter dẫn đường với kích thước bên trong lumen nhỏ nhất là 0.071". - Tổng chiều dài 145cm. Đoạn Rx 25cm - Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm. - Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 126.5 cm. - Chiều dài đầu tip đến vị trí đánh dấu chặn xạ là 3.0 mm. - Dung tích hút của bộ 6F (dung tích nước) 60ml/45giây hoặc 1.33ml/giây. - Một bộ tiêu chuẩn gồm: 1 x catheter hút huyết khối 6F hoặc 7F; 1 x dây thăm dò cứng; 1 x ống tiêm hút 60ml; 2 x giỏ lọc; 1 x dây nối van khóa vòi 1 hướng 	20	Bộ
	7.2 Lọc máu, lọc			

Handwritten signature or mark

màng bụng				
25	Quả hấp phụ máu điều trị suy thận mạn - Disposable Hemoperfusion Cartridge HA130	Vật liệu vỏ Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ là các hạt có bản chất là Styren divinyl benzen copolymer. Thể tích hấp phụ: 130mL. Thể tích khoang máu: 114 mL. Diện tích hấp phụ: 52.000 m ² . Nội trở: 4kPa. Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút. Áp suất chịu đựng: 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Dải hấp phụ: 5~30kDa. Năng lực hấp phụ sau 2h trên invivo: PTH: 53.4%; MG: 44.7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%.	200	Quả

